

Bản án số: 22 /2021/HNGĐ- ST

Ngày 19-01 - 2021

V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Đăng Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 432/2020/TLST- HNGĐ ngày 07/10/2020 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2020/QĐXX-ST ngày 15/12/2020 Quyết định hoãn số 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị D**, sinh năm 1986; HKTT và nơi cư trú: Đội 10, thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.(Có mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Khả D1**, sinh năm 1984; HKTT và nơi cư trú: Đội 10, thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Trịnh Thị D trình bày:

Tôi và anh **Nguyễn Khả D1** kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 10/02/2006. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay tôi và anh D1 vẫn chung sống cùng một nhà nhưng không ai quan tâm nhau, không có quan hệ vợ chồng. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh D1.

Về con chung: có 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 04/7/2007 và Nguyễn Khả Q, sinh ngày 25/7/2009. Tôi xin được nuôi cháu Quỳnh A, anh D1 nuôi cháu Q, không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn - anh Nguyễn Khả D1 trình bày: Tôi và chị Trịnh Thị D kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 10/02/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, tôi không đánh đập, chửi gièm chị D. Chị D xin ly hôn do chị D có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nay chị D xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 04/7/2007 và Nguyễn Khả Q, sinh ngày 25/7/2009. Tôi xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị D được ly hôn anh D1. Con chung: Giao con chung là cháu Quỳnh A cho chị D nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh D1 nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản, công sức, công nợ: không có.

Chị Trịnh Thị D phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trịnh Thị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Khả D1. Anh D1 có HKTT và nơi cư trú: Đội 10, thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị D và anh Nguyễn Khả D1 thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết

hôn tại UBND xã Q ngày 10/02/2006 là hợp pháp. Quá trình chị D và anh D1 phát sinh mâu thuẫn. Theo chị D thì nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Theo anh D1 thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị D xin ly hôn do chị D có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, tuy nhiên anh D1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đến tham gia phiên hòa giải, không đến tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh D1.

Xét thấy, tình cảm giữa chị D và anh D1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D với anh D1 là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh D1 có 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 04/7/2007 và Nguyễn Khả Q, sinh ngày 25/7/2009. Xét thấy, cháu Quỳnh A có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu Q có nguyện vọng muốn ở với bố. Do đó, giao cho chị D được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quỳnh A, giao anh D1 được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D1, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị D và anh D1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị D được ly hôn anh Nguyễn Khả D1

2. Về con chung: Chị D và anh D1 có 02 con chung: Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 04/7/2007 và Nguyễn Khả Q, sinh ngày 25/7/2009.

Giao cho chị Trịnh Thị D được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 04/7/2007, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Giao cho anh Nguyễn Khả D1 được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Khả Q, sinh ngày 25/7/2009, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Nguyễn Khả D1, chị Trịnh Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0010109 ngày 07/10/2020.

Chị Trịnh Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Khả D1 có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

Vương Đăng Khoa